

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	1	26.25		26.25
2	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	1	25.50	0.5	26.00
3	Trần Thị Hoàng	Diệp	TDV004282	1	25.50	0.5	26.00
4	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	2	25.25	0.5	25.75
5	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	2	25.75		25.75
6	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	3	25.50		25.50
7	Phạm Thị Ngọc	Sương	TDV026587	2	25.00	0.5	25.50
8	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	1	25.00	0.5	25.50
9	Phạm Khánh	Hoà	TTB002358	1	24.00	1.5	25.50
10	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	1	24.00	1.5	25.50
11	Nguyễn Thị Thương	Huyền	SPH007920	2	24.25	1.0	25.25
12	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	1	24.00	1.0	25.00
13	Lê Tú	Anh	BKA000358	3	24.75		24.75
14	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	2	24.25	0.5	24.75
15	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	2	24.25	0.5	24.75
16	Tống Thị Quỳnh	Nga	TND017438	2	21.25	3.5	24.75
17	Nhữ Kim	Trang	LNH009881	1	23.25	1.5	24.75
18	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	4	21.00	3.5	24.50
19	Trần Thùy	Linh	TND014820	2	23.00	1.5	24.50
20	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	1	24.00	0.5	24.50
21	Lưu Thu	Trang	THV013776	1	23.00	1.5	24.50
22	Phan Thị Trúc	Linh	SPH010045	1	24.50		24.50
23	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	1	24.00	0.5	24.50
24	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	1	21.00	3.5	24.50
25	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	3	23.75	0.5	24.25
26	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	3	24.25		24.25
27	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	3	24.25		24.25
28	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	2	22.75	1.5	24.25
29	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Vũ Huyền	Trang	THV014030	1	20.75	3.5	24.25
31	Hoàng Minh	Lý	THV008330	1	20.75	3.5	24.25
32	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	1	23.75	0.5	24.25
33	Trương Hà	Linh	TND014836	1	23.75	0.5	24.25
34	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	1	22.75	1.5	24.25
35	Vũ Thị	Trang	SPH017880	1	23.25	1.0	24.25
36	Trần Thị	Thư	HDT025368	1	22.75	1.5	24.25
37	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	1	23.25	1.0	24.25
38	Trần Khánh	Trình	TDV033555	1	23.75	0.5	24.25
39	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	4	22.50	1.5	24.00
40	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	3	24.00		24.00
41	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	2	22.50	1.5	24.00
42	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	2	24.00		24.00
43	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018917	1	22.50	1.5	24.00
44	Ngô Thị	Quyên	TND020786	1	22.50	1.5	24.00
45	Nguyễn Ngọc	Mai	THV008410	1	22.50	1.5	24.00
46	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	1	22.50	1.5	24.00
47	Trần Thị Lan	Hương	TDV014516	1	23.00	1.0	24.00
48	Lê Kiều	Minh	TLA009169	1	24.00		24.00
49	Phạm Thục	Anh	SPH001376	1	23.50	0.5	24.00
50	Trương Thị	Vui	TLA015743	1	23.00	1.0	24.00
51	Sân Thành	Nam	THV009047	3	20.25	3.5	23.75
52	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	3	23.25	0.5	23.75
53	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	1	23.25	0.5	23.75
54	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	1	23.25	0.5	23.75
55	Lã Thị	Trang	TND026228	1	20.25	3.5	23.75
56	Lương Việt	Trình	YTB023328	1	22.75	1.0	23.75
57	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	1	22.75	1.0	23.75
58	Vũ Trường	Anh	TLA001373	1	23.25	0.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	2	22.50	1.0	23.50
60	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	2	20.00	3.5	23.50
61	Bùi Hải	Yến	LNH010934	2	20.00	3.5	23.50
62	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	2	22.50	1.0	23.50
63	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	2	22.00	1.5	23.50
64	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	2	23.00	0.5	23.50
65	Lê Thu	Huyền	SPH007780	1	23.50		23.50
66	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	1	23.00	0.5	23.50
67	Triệu Thùy	Linh	TND014767	1	20.00	3.5	23.50
68	Hồ Thị Bảo	Uyên	TDV035518	1	22.50	1.0	23.50
69	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	1	23.50		23.50
70	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	1	22.00	1.5	23.50
71	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	1	23.00	0.5	23.50
72	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	4	22.25	1.0	23.25
73	Vũ Phương	Hà	LNH002604	3	21.75	1.5	23.25
74	Phạm Trần Phương	Thảo	THP013497	3	22.75	0.5	23.25
75	Vũ Minh	Anh	TLA001342	3	23.25		23.25
76	Lê Thu	Hằng	SPH005581	2	22.75	0.5	23.25
77	Vũ Cao Ngọc	Linh	TQU003288	2	21.75	1.5	23.25
78	Lê Thị	Thủy	TDV030364	2	21.75	1.5	23.25
79	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	2	22.25	1.0	23.25
80	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	2	22.75	0.5	23.25
81	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	2	21.75	1.5	23.25
82	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	2	23.25		23.25
83	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	1	23.25		23.25
84	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	1	23.25		23.25
85	Nguyễn Hải	Yến	THV015601	1	21.75	1.5	23.25
86	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	1	22.25	1.0	23.25
87	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Kiều	Trình	TLA014415	4	23.00		23.00
89	Dương Thị	Thảo	TND022829	3	22.00	1.0	23.00
90	Hà Đình	Dương	DCN002083	3	22.50	0.5	23.00
91	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	3	22.50	0.5	23.00
92	Đặng Việt	Hà	HHA003669	3	23.00		23.00
93	Hoàng Thị Quỳnh	Diệp	TND003471	2	19.50	3.5	23.00
94	Trần Lê	Minh	HDT016703	2	22.50	0.5	23.00
95	Nguyễn Thị Huyền	My	TTB004089	2	19.50	3.5	23.00
96	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	1	22.00	1.0	23.00
97	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	1	23.00		23.00
98	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	1	23.00		23.00
99	Lê Thùy	Dương	KHA002017	1	23.00		23.00
100	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	1	21.50	1.5	23.00
101	Nguyễn Thúy	Hiền	THV004356	1	21.50	1.5	23.00
102	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	1	22.50	0.5	23.00
103	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	1	19.50	3.5	23.00
104	Đỗ Phương	Thùy	SPH016482	1	22.00	1.0	23.00
105	Hoàng Diệu	Thúy	THV013121	1	19.50	3.5	23.00
106	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	4	22.25	0.5	22.75
107	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	4	22.75		22.75
108	Bùi Ngọc	Anh	TND000104	2	19.25	3.5	22.75
109	Phạm	Duy	SPH003435	2	22.75		22.75
110	Bế Ngọc	ánh	TND001235	2	19.25	3.5	22.75
111	Vũ Thị Phương	Thuý	KHA009736	2	21.75	1.0	22.75
112	Phạm Thị Minh	Nguyệt	HHA010358	2	22.75		22.75
113	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	2	22.75		22.75
114	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	1	20.25	2.5	22.75
115	Nguyễn Hà	Anh	TLA000602	1	22.75		22.75
116	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	1	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Vũ Thị Thanh	Tâm	BKA011526	1	22.25	0.5	22.75
118	Ngô Chi	Linh	DCN006327	1	22.25	0.5	22.75
119	Nguyễn Thị Thùy	Trang	SPH017644	1	21.75	1.0	22.75
120	Bùi Tú	Anh	DCN000078	1	22.25	0.5	22.75
121	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	4	21.00	1.5	22.50
122	Phi Quang	Khải	THV006494	4	21.00	1.5	22.50
123	Lê Diệp	Anh	TLA000385	4	22.50		22.50
124	Đào Tường	Chi	SPH002348	4	22.50		22.50
125	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	4	22.50		22.50
126	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	3	22.50		22.50
127	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	3	22.00	0.5	22.50
128	Nông Đức	Minh	SPH011485	3	21.50	1.0	22.50
129	Phan Thị	Linh	TDV017111	2	21.50	1.0	22.50
130	Đường Hải	Yến	TND029951	2	19.00	3.5	22.50
131	Nguyễn Thảo	My	THV008838	2	21.00	1.5	22.50
132	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	2	22.50		22.50
133	Đặng Thị	Nhạn	TND018553	2	21.50	1.0	22.50
134	Thiều Nguyễn Duy	Anh	BKA000842	2	22.50		22.50
135	Hoàng Thị Thanh	Xuân	HHA016451	1	22.00	0.5	22.50
136	Ngô Diệu	Linh	TTB003514	1	21.00	1.5	22.50
137	Vũ Đức	Minh	HVN006893	1	22.00	0.5	22.50
138	Nguyễn Trà	My	TLA009455	1	22.50		22.50
139	Phạm Ngô Bảo	Ngọc	TND018121	1	22.00	0.5	22.50
140	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	1	21.00	1.5	22.50
141	Đào Mai	Trang	BKA013308	3	22.25		22.25
142	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	TND016029	2	18.75	3.5	22.25
143	Lê Khánh	Linh	HDT014051	2	20.75	1.5	22.25
144	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	2	21.75	0.5	22.25
145	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	2	20.75	1.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	2	21.75	0.5	22.25
147	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	2	18.75	3.5	22.25
148	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	2	20.75	1.5	22.25
149	Trần Thùy	Trang	SPH017842	2	21.75	0.5	22.25
150	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	2	22.25		22.25
151	Trần Huyền	Trang	LNH009903	2	18.75	3.5	22.25
152	Vũ Diệu	Hoàn	THV004962	1	20.75	1.5	22.25
153	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	1	20.75	1.5	22.25
154	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	1	21.75	0.5	22.25
155	Đinh Ngân	Hà	TDV007595	1	21.75	0.5	22.25
156	Nông Hải	Tuấn	TND027960	1	18.75	3.5	22.25
157	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	1	21.25	1.0	22.25
158	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	1	20.75	1.5	22.25
159	Nguyễn Thu	Trang	THP015289	1	21.25	1.0	22.25
160	Trịnh Hoàng	Đức	SPH004406	1	22.25		22.25
161	Phan Thùy	Dung	DCN001755	1	21.75	0.5	22.25
162	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	1	18.75	3.5	22.25
163	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	1	22.25		22.25
164	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	1	21.25	1.0	22.25
165	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	4	22.00		22.00
166	Dương Khánh	Linh	YTB012392	4	21.50	0.5	22.00
167	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	4	22.00		22.00
168	Trần Thị	Trang	YTB023140	4	21.00	1.0	22.00
169	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	3	21.00	1.0	22.00
170	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	3	21.50	0.5	22.00
171	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	3	21.50	0.5	22.00
172	Đỗ Thị	Vân	TND029031	3	20.50	1.5	22.00
173	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	3	20.50	1.5	22.00
174	Đinh Hoàng	Lộc	TLA008601	2	21.00	1.0	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lành Thị Minh	Nguyễn	TND018360	2	18.50	3.5	22.00
176	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	2	21.00	1.0	22.00
177	Lăng Thị	Hoa	TND008733	1	18.50	3.5	22.00
178	Lê Thị	Minh	HDT016544	1	21.50	0.5	22.00
179	Phạm Thị Phương	Anh	LNH000525	1	20.50	1.5	22.00
180	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	1	21.00	1.0	22.00
181	Hà Thị Thuỳ	Linh	YTB012525	1	21.00	1.0	22.00
182	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	1	22.00		22.00
183	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	1	22.00		22.00
184	Hoàng Vân	Anh	THP000307	1	21.00	1.0	22.00
185	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	4	20.75	1.0	21.75
186	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	4	18.25	3.5	21.75
187	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	4	21.75		21.75
188	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	4	21.75		21.75
189	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	4	20.25	1.5	21.75
190	Trương Ngọc	Huyền	TDV013969	3	20.75	1.0	21.75
191	Phạm Thị	Nga	HHA009767	3	21.75		21.75
192	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	3	21.25	0.5	21.75
193	Nguyễn Trần Phương	Trang	SPH017720	2	21.75		21.75
194	Phạm Thị Việt	Mỹ	TDV019752	2	20.25	1.5	21.75
195	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	2	20.75	1.0	21.75
196	Hoàng Hải	Ly	TND015644	2	20.25	1.5	21.75
197	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	1	20.75	1.0	21.75
198	Hoàng Hồng	Huệ	THV005302	1	18.25	3.5	21.75
199	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	1	20.25	1.5	21.75
200	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	1	21.75		21.75
201	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	1	21.25	0.5	21.75
202	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	1	20.25	1.5	21.75
203	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	1	20.75	1.0	21.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	4	20.00	1.5	21.50
205	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	4	18.00	3.5	21.50
206	Bùi Ngọc Minh	Châu	LNH000919	3	18.00	3.5	21.50
207	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	3	20.00	1.5	21.50
208	Lương Bảo	Thái	TTB005622	3	18.00	3.5	21.50
209	Lê Thị Thu	Trang	HDT026477	2	20.50	1.0	21.50
210	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	2	21.00	0.5	21.50
211	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	2	21.00	0.5	21.50
212	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	2	21.00	0.5	21.50
213	Phạm Thu	Trang	HHA014774	2	20.00	1.5	21.50
214	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	2	18.00	3.5	21.50
215	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	2	21.50		21.50
216	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	1	21.00	0.5	21.50
217	Đỗ Văn	Phúc	YTB017004	1	20.50	1.0	21.50
218	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	1	21.00	0.5	21.50
219	Đỗ Thúy Trà	My	TND016774	1	20.00	1.5	21.50
220	Nguyễn Thị Phương	Thảo	THV012240	1	20.00	1.5	21.50
221	Lã Thị Bích	Huệ	TLA005815	1	21.00	0.5	21.50
222	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	1	18.00	3.5	21.50
223	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	4	21.25		21.25
224	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	3	20.25	1.0	21.25
225	Trương Diệu	Linh	TLA008328	3	21.25		21.25
226	Trần Minh	Khải	SPH008622	2	21.25		21.25
227	Phạm Thị	Sương	TDV026588	2	19.75	1.5	21.25
228	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	2	20.25	1.0	21.25
229	Dương Minh	Bảo	SPH001937	2	21.25		21.25
230	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	2	19.75	1.5	21.25
231	Hoàng Thị Minh	Hương	HHA006759	2	20.75	0.5	21.25
232	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	2	20.75	0.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	1	20.25	1.0	21.25
234	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	4	19.50	1.5	21.00
235	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	4	20.00	1.0	21.00
236	Tạ Hoàng	An	TLA000073	4	21.00		21.00
237	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	2	19.50	1.5	21.00
238	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	2	20.50	0.5	21.00
239	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	1	20.50	0.5	21.00
240	Đoàn Thị	Hiệp	HDT008707	1	20.00	1.0	21.00
241	Lê Phương	Thảo	YTB019704	1	20.00	1.0	21.00
242	Vũ Ngọc	Mai	YTB014139	4	19.75	1.0	20.75
243	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	4	20.75		20.75
244	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	4	20.75		20.75
245	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	2	19.75	1.0	20.75
246	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	4	19.00	1.5	20.50
247	Vũ Thị	Lương	KQH008550	4	19.50	1.0	20.50
248	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	4	19.00	1.5	20.50
249	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	3	20.00	0.5	20.50
250	Mạc Kim	Chi	TND002257	3	17.00	3.5	20.50
251	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	2	19.00	1.5	20.50
252	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	2	19.50	1.0	20.50
253	Vũ Thị Tố	Uyên	YTB024835	2	19.50	1.0	20.50
254	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	4	19.75	0.5	20.25
255	Hà Thuý	Hoa	HHA005072	1	19.75	0.5	20.25
256	Hồ Minh	Anh	SPH000347	4	20.00		20.00
257	Mai Thục	Anh	HDT000865	4	19.50	0.5	20.00
258	Phan Lê	Bình	TND001919	2	19.50	0.5	20.00
259	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	2	19.50	0.5	20.00
260	Lê Thị	Hòa	HDT009440	1	18.50	1.5	20.00
261	Nông Thị Kim	Sâm	TND021379	2	16.25	3.5	19.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 06/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Hoàng Thị Huyền	Ngân	TDV020736	1	18.75	0.5	19.25
263	Trần Thị	Khá	YTB011172	4	18.00	1.0	19.00
264	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	4	17.50	1.5	19.00
265	Hoàng Gia	Huyền	TND011077	2	15.50	3.5	19.00
266	Bùi Hùng	Mạnh	HHA008985	2	18.50	0.5	19.00
267	Trần Minh	Hằng	KHA003290	3	18.25	0.5	18.75
268	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	3	18.75		18.75
269	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	3	17.50	1.0	18.50
270	Bùi Phương	Anh	HDT000144	2	18.00	0.5	18.50
271	Nguyễn Thị	Huế	HVN004280	4	17.25	1.0	18.25
272	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	1	16.75	1.5	18.25
273	Nguyễn Hồng	Điệp	TND005166	1	14.75	3.5	18.25
274	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	2	16.75	1.0	17.75
275	Nguyễn Bá	Huy	YTB009643	3	16.50	1.0	17.50
276	Phạm Ngọc	Hoa	YTB008287	1	16.25	1.0	17.25
277	Nguyễn Thị	Mây	HVN006740	4	16.00	1.0	17.00
278	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	3	15.50	1.5	17.00
279	Vũ Thị	Hiếu	THP005207	3	16.00	1.0	17.00
280	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	4	16.25	0.5	16.75
281	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	2	15.75	1.0	16.75
282	Lý Hoài	Linh	TND014310	2	12.75	3.5	16.25
283	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	1	14.00	1.0	15.00

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU